

Số: 4615/TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 11 năm 2013

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến cho cán bộ và nhân dân có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI	
CV ĐẾN	Số:.....7958.....
	Ngày: 13/11/13.....
	Chuyên:.....

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Nghị quyết số 47-NQ/HĐNN7 ngày 29/9/1981 của Hội đồng Chính phủ ban hành Điều lệ khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến chống Mỹ; Thông tư số 39/BT ngày 21/4/1982 của Hội đồng Bộ trưởng hướng dẫn thi hành Điều lệ khen thưởng;

Thực hiện Chỉ thị số 26/2003/CT-TTg ngày 24/11/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc hoàn thành giải quyết tồn đọng công tác khen thưởng tổng kết thành tích kháng chiến và Công văn số 837/BTĐKT-VụIII ngày 27/5/2011 của Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương về việc giải quyết dứt điểm khen thưởng thành tích kháng chiến, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, đề nghị Chủ tịch nước tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến cho cán bộ và nhân dân thuộc tỉnh Quảng Ngãi đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cụ thể:

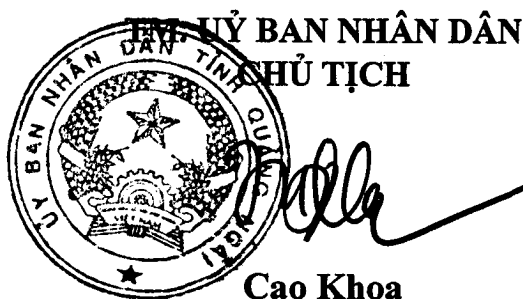
- 04 Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì;
- 29 Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Ba;
- 10 Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhất;
- 06 Huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì.

Tổng cộng: 49 Trường hợp (có danh sách và hồ sơ khen thưởng kèm theo)

Kính trình Thủ tướng Chính phủ quan tâm, xem xét./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Thi đua – Khen thưởng Trung ương (04 bản);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (Ban Thi đua – Khen thưởng tỉnh);
- VPUB: CVP, CBTH;
- Lưu: VT, NC_{lmc639}.



Cao Khoa

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ TẶNG HUÂN, HUY CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN

CHO NHÂN DÂN CÓ THÀNH TÍCH TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 4615 /Tr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

I. HUÂN CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ HẠNG BA



Số TT	Số ĐD	Họ và tên	Năm sinh	Chính quán	Trú quán	Tóm tắt thành tích	Ghi chú
1		Ông Lương Chín	1955	Xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 1969-1970: làm liên lạc giữa huyện và đội công tác xã 02 lần; rải truyền đơn 3000 tờ, tham gia làm mìn tự tạo cho du kích xã thời gian 2 tháng. - Năm 1971: đi dân công tại huyện Ba Tơ, tham gia mở đường, bám địch báo cho du kích tránh địch 03 lần. - Từ 1972-1973: làm cơ sở, trực diện xuống đường đấu tranh chính trị 16 lần; làm công tác binh vận tại địa phương, gọi được 12 binh sĩ đào rã ngũ; cùng gia đình nuôi giấu cán bộ 4 năm; vận động tiền mua lương thực thực phẩm, khiêng thương 5 lần. - Từ 1974-1975: ở trong Ban Tổ chức xã Đức Thắng với nhiệm vụ bám và cảnh giới địch chuẩn bị ngày giải phóng. 	
2		Bà Nguyễn Thị Chung	1944	Xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	<ul style="list-style-type: none"> - Từ 1960 - 1964: cơ ở nuôi giấu, tiếp tế cho đội công tác xã, làm liên lạc, đưa thư. Tiếp tế 20 - 30 kg gạo/1 tháng, 5-10kg đường sữa/1 tháng, nuôi cán bộ nằm vùng 1-2 người từ 5-10 ngày/1 lần. - Từ 1964 - 1970: tham gia công tác phụ nữ thôn, vận động đóng góp lương thực nuôi bộ đội, du kích; chăm sóc thương binh, chôn cất liệt sĩ. - Từ 1970 - 1975: đóng góp 200-400 ang lúa; tham gia đội dân công xã; chuyển lương thực, súng đạn từ Khu Tây sang khu Đông từ 5-10 ngày/1 tháng, mỗi tháng từ 1-2 lần; hàng năm đi làm đường 1-2 lần, 15-30 ngày/1 lần; Mua hàng hóa cho bộ đội 1-2 lần/1 tháng; đóng góp 10-20kg bánh kẹo cho bộ đội ăn Tết. 	

3	Ông Phạm Tung	1911	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Năm 1963-1972: nắm tình hình địch báo cho CM, tiếp tế lương thực, thực phẩm cho CM. Làm cán bộ Nông hội vận động nhân dân đi phá ấp chiến lược của địch có 100-220 người tham gia, vận động nhân dân biểu tình có 200-300 lượt người tham gia. Tham gia đào hầm, vót chông, gài bẫy đánh địch. Đóng góp cho CM 1 tấn lúa, 25 bộ quần áo, 50 tấm đi mưa, 55 liều thuốc tây, 30 lon sữa, 50 ang mắm, 15 kg đường, 40 ang gạo, 1 con bò đực và nhiều nhu yếu phẩm khác. Từ trần năm 1972
4	Gia đình ông Lê Chơi và bà Nguyễn Thị Giảng	1918 1925	Xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	- Năm 1956-1964: làm cơ sở mật, nuôi giấu cán bộ nằm vùng để hoạt động xây dựng cơ sở, trực tiếp tham gia đóng góp của cải, vật chất như gạo khoảng 50 ang, lúa 20 ang, 5 ang mì phục vụ kháng chiến. - Năm 1965-1975: tiếp tục tham gia cơ sở bí mật; đóng góp 30 ang gạo, 10 ang lạc, quần áo, thuốc men và trực tiếp động viên 02 người con lên đường giết giặc.
5	Bà Phạm Thị Tốt	1938	Xã Bình Phước, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Phước, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	- Năm 1962-02/1964: tham gia cơ sở CM hợp pháp làm liên lạc cho đội công tác và thường xuyên đóng góp tiền của, vật chất thuốc tây cho đội công tác nhiều lần, Gạo được khoảng 20 ang, khoai các loại khoảng 30 sắn và thuốc tây các loại. - Năm 1965-1969: tiếp tục tham gia cơ sở cách mạng và trực tiếp tham gia đào hầm trú ẩn cho đơn vị bộ đội và du kích được khoảng 40 hầm và 20 hầm chông để chống địch càn, vào nơi địch đóng quân lừa cơ hội lấy đạn AR15 và 5 dây đại liên của địch giao nộp cho đội du kích. - Năm 1970 từ trần.
6	Gia đình ông Phạm Lập và bà Nguyễn Thị Phiện	1913 1915	Xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Mỹ, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	- Năm 1954 – 1965 tham gia hoạt động cơ sở mật hợp pháp và trực tiếp tham gia đi dân công hỏa tuyến được 02 – 03 đợt tại chiến trường tây nguyên, trực tiếp đóng góp lương thực, thực phẩm các loại để nuôi quân khoảng 20 – 30ang sản phẩm các loại. - Năm 1966 – 1975: tiếp tục tham gia hoạt động cơ sở CM hợp pháp và trực tiếp vận động 06 người con tham gia thoát ly phục vụ kháng chiến giải phóng dân tộc và đã hy sinh vì Tổ quốc 03 người (liệt sĩ).

7	Bà Nguyễn Thị Kiện	1914	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 1954-1963: hoạt động cơ sở Cách mạng, giúp đỡ gia đình cán bộ tập kết. - Năm 1963-1964: nuôi cán bộ mật trong nhà (ông Nguyễn Diễm). - Năm 1965: cho đơn vị công trường 1 mượn nhà làm trạm phẫu; cho đơn vị 48 mượn nhà tập luyện và phục vụ, giúp đỡ bộ đội 48. - Năm 1966: bà từ trần.
8	Gia đình ông Nguyễn Phiện và bà Lương Thị Thân	1909 1921	Xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 3/1961-4/1965: tham gia cơ sở cách mạng. - 5/1965-12/1967: tham gia cơ sở cách mạng; nuôi dẫu, đào hầm bí mật sau nhà để che giấu cán bộ cách mạng; cung cấp lương thực, thực phẩm, thuốc tây cho cách mạng. - 01/1968-04/1975: nuôi giấu cán bộ của đội công tác xã và các xã lân cận; nắm tình hình địch báo cho cách mạng. Động viên con trai thoát li vào Du kích xã.
9	Bà Nguyễn Thị Trọ	1931	Xã Bình Tân, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Tân, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	<ul style="list-style-type: none"> - 02/1960-6/1964: nuôi cách mạng tại nhà 03 người, làm liên lạc cho cơ sở, quyên góp quần áo; Thường xuyên cho mượn nhà để cách mạng hội họp. - 7/1964-12/1967: tham gia giúp đỡ cách mạng, đi dân công 45 lần; - 1968 - 1970: tham gia cướp chính quyền tại tỉnh Quảng Ngãi; đi dân công 18 lần; - 1971 - 4/1975: lãnh đạo đấu tranh trực diện với địch là 30 lần.
10	Ông Võ Hiền	1949	Xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	<ul style="list-style-type: none"> - 1962-1971: tham gia du kích mật (làm tổ trưởng) dẫn đội công tác phá áp chiến lược, cảnh giới, theo dõi tình hình địch báo cho đội công tác, vận động nhân dân đóng góp lương thực thực phẩm cho CM, tham gia phá áp chiến lược 6 lần; mang lương thực giao cho đội công tác, đào hầm bí mật trong nhà để nuôi dẫu cán bộ. Trực tiếp dẫn đơn vị 409 đi đánh địch 6 lần. - 1972-1975: cùng anh em du kích tiêu diệt tên áp trưởng quân quản ác ôn, tham gia đấu tranh với địch, bị địch bắn bị thương. Sau khi lành thương tiếp tục tham gia công tác kháng chiến đến 1975. Đang là thương binh.

11	Bà Huỳnh Thị Lâm	1938	Xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Chánh, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	<p>- 1962-1965: cơ sở CM; tham gia du kích mật, nắm tình hình địch báo cho đội công tác; phá áp chiến lược, vận động thanh niên thoát ly, đóng góp lương thực cho kháng chiến 2-3 lần, mỗi lần 2 ang gạo, 10 lít mắm, 02 ang muối, 10kg cá chuồng khô.</p> <p>- 1966-1975: tiếp tục hoạt động cơ sở mật; đào hầm, phục vụ cơm nước cho đội công tác; theo dõi tình hình địch, rải truyền đơn 8 lần, năm 1970 địch bắt bỏ tù nhưng không khai báo gì.</p>
12	Ông Võ Minh Ánh	1956	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	<p>- 1967-1970: nắm tình hình địch báo cho đội du kích 52 lần để đánh địch 17 trận, diệt được 63 lính Mỹ, lấy 8 súng, bắt sống 2 tên địch. Đi mua lương thực và nhu yếu phẩm cho CM 197 lần.</p> <p>- 1971-1973: Đội công tác giao 4 quả lựu đạn, diệt địch 02 lần chết 04 tên địch, bị địch bắt giam 2 tháng nhưng không khai báo gì.</p> <p>- Năm 1974-1975: chuyển bộ đội bị thương 29 lần được 29 người, vận chuyển gạo 6 đêm, vận chuyển vũ khí 46 lần.</p>
13	Ông Lê Lành	1943	Xã Bình Tân, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Tân, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	<p>- 1964-1968: tham gia phá áp chiến lược 06 lần và đào hầm cho bộ đội 12 lần, 24 ngày; tham gia chuyển gạo 16 lần, 32 ngày; chuyển đạn từ khu tây về khu đông 14 lần, 28 ngày; ủng hộ 50 ang lúa, 7.000đ; 02 bộ quần áo, 18 lon sữa, 21 kg đường, chuyển đạn 14 lần.</p> <p>- 1969-1971: chuyển thương binh 18 lần; chuyển gạo 12 lần; ủng hộ 15 ang lúa, 01 thùng mắm; 12 lon sữa; 14 kg đường; chuyển đạn 14 lần.</p> <p>- 1972-1975: cho cách mạng mượn nhà làm cơ quan 03 năm, chuyển thương binh 16 lần.</p>

14	Bà Võ Thị Tỷ	1947	Xã Bình Tân, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Tân, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	<ul style="list-style-type: none"> - 1964-1968: mua lương thực cho cách mạng 14 lần, chuyển gạo 12 ngày, chuyển đạn 07 lần, nuôi 04 thương binh trong nhà 05 tháng, 10 ngày; ủng hộ 03 ang gạo, 04 mét vải ni lông; 02 bộ quần áo; 02 thùng mắm; 02 ang củ lang, tham gia đấu tranh chính trị với địch 07 lần; - 1969-1972: cho cách mạng mượn nhà làm cơ quan 03 năm, 07 tháng; ủng hộ cho cách mạng 05 ang gạo, 02 kg đường; 13 mét vải ni lông; 07 chai mắm; 05 lon sữa, cất dấu thương binh 14 lần; nắm tình hình địch báo cho cách mạng 10 lần; ủng hộ cho du kích 20 kg gạo; 2000đ, 04 lon sữa, 01 kg bột ngọt; tham gia đấu tranh chính trị 07 lần, chuyển gạo 08 lần, 19 ngày; - 1973-1975: cất dấu thương binh 05 lần; chuyển gạo 04 lần, chuyển thương binh 07 ngày.
15	Ông Đồng Thanh Hùng	1942	Xã Bình Tân, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Tân, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	<ul style="list-style-type: none"> - 1962-1967: làm liên lạc đưa thư, mua lương thực cho cách mạng 12 lần; cảnh giới địch 15 lần; nuôi 01 cán bộ cách mạng 05 năm, ủng hộ 20 ang gạo, 05 kg đường; 02 thùng mắm, 07 lon sữa; 02 bộ quần áo, đấu tranh chính trị 17 lần; - 1968-1970: cho mượn nhà làm cơ quan 03 năm, 02 tháng; tham gia chuyển lương thực 08 lần, 18 ngày. Cất dấu thương binh 17 lần, 28 ngày; ủng hộ 04 ang gạo, 1000đ, 02 ang củ lang, 02 thùng mắm, 04 lon sữa, 1,5 kg đường; - 1971-1972: đào hầm 25 ngày đêm, cảnh giới địch 07 lần, dấu thương binh 02 ngày; - 1973-1975: làm Phân hội trưởng thanh niên đưa 07 thanh niên lên đường đi bộ đội.
16	Bà Nguyễn Thị Ngưu	1930	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 1965-1969: chuyển thương 50 ngày, chuyển gạo 5 ngày, chuyển vũ khí 48 ngày, nhận nuôi 02 thương binh hơn 03 tháng, tham gia xuống đường tết Mậu Thân. - Năm 1970-1972: nắm tình hình địch báo cho Du kích; ủng hộ lương thực, nhu yếu phẩm cho Cách mạng; tham gia chuyển lương thực.

17	Bà Võ Thị Đào	1930	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	<p>- Tháng 6/1964-2/1969: ủng hộ 07 ang gạo, 15 ang lúa; cho bộ đội mượn nhà nhiều đợt; thu gạo tiết kiệm; đào địa đạo; đấu tranh trực diện với địch 05 đợt; tham gia đấu tranh chính trị tết Mậu Thân; đóng góp nuôi thương binh 6 kg đường, 8 lon sữa.</p> <p>- Tháng 3/1969-1975: nắm tình hình địch, ủng hộ Cách mạng 5.000đ; chuyển thương binh, vũ khí 40 ngày.</p>
18	Ông Đỗ Tấn Hùng	1953	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	<p>- Năm 1967 - 1968: tham gia đào hầm địa đạo và hầm bí mật nhiều lần, tham gia Du kích, được rút đi mở ra thời gian 20 ngày.</p> <p>- Năm 1969-1971: được giao nhiệm vụ hoạt động bí mật ở khu đồn như: nắm tình địch; rải truyền đơn, dán khẩu hiệu; tiếp tế cho Du kích: đường, sữa, thuốc tây.</p> <p>- Năm 1972-4/1975: tham gia giúp đỡ cách mạng và thoát li vào đơn vị trinh sát H16 tỉnh Quảng Ngãi.</p>
19	Bà Bùi Thị Phượng	1952	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	<p>Năm 1965-4/1975: nắm tình hình địch báo cho đội công tác 16 lần; chăm sóc thương binh tại trạm phẫu A100 15 tháng; dẫn đường cho du kích chống càn quét 3 lần; cho mượn nhà nuôi thương binh 1 năm; tham gia đấu tranh chính trị 10 lần; tham gia đào hầm bí mật 65 ngày công; 03 lần tham gia đi mở ra chuyển thương binh; bốc xếp phục vụ giải phóng 65 ngày công; nhận rải 100 lá truyền đơn; cung cấp gạo, nhu yếu phẩm cho cách mạng.</p>
20	Ông Nguyễn Bạ	1931	Xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	<p>- Từ 1965-1969: nắm tình hình địch báo cho cách mạng 13-14 lần/tháng, báo đội công tác diệt 04 tên mật báo viên; vận động 11 lính nghĩa quân bỏ ngũ. Năm 1967 nuôi 02 thương binh 34 ngày. Năm 1968 may 100 lá cờ cho cách mạng.</p> <p>- Từ 1970-1975: đào công sự mật, nuôi 03 cán bộ hoạt động cách mạng, mỗi lần 3-4 ngày, tổng cộng 39 lần. Đóng góp, giúp đỡ cho cách mạng nhiều lần, mỗi lần 20 ang gạo và 500 ngàn đồng cho đội công tác xã. Ủng hộ 50 lọ pilixirin và 50 lọ strep. Trụ bám xuyên suốt tại địa phương và giúp đỡ cách mạng đến ngày giải phóng.</p>

II. HUY CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ HẠNG NHẤT

Số TT	Số ĐD	Họ và tên	Năm sinh	Chính quán	Trú quán	Tóm tắt thành tích	Ghi chú
1		Ông Trần Văn Mão	1913	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 1954-1959: du kích xã. - Năm 1960-1966: đóng góp 120 kg thóc và thực phẩm nuôi Du kích thôn, xã. - Năm 1967-1968: đấu tranh chính trị tại Bình Sơn 01 lần, tại Quảng Ngãi 01 lần. - Năm 1969-1971: chiến tranh ác liệt vào khu đồn làm ăn, nuôi con. - Năm 1972-1975: chuyển lương thực để cất giấu 02 lần, mỗi lần 10 ngày tại Châu Me, tiếp tục tham gia giúp đỡ cách mạng đến ngày giải phóng. 	
2		Bà Phạm Thị Đước	1944	Xã Bình Phước, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Phước, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 1966-1967: tham gia du kích mật ở thôn kết hợp với đội công tác chốt chặn đánh địch tiêu diệt nhiều tên. - Năm 1968-8/1971: tham gia đi dân công hoả tuyến và tham gia hoạt động cơ sở CM. - 9/1971 bị bệnh tử trần. 	
3		Bà Bùi Thị Mai	1930	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	<ul style="list-style-type: none"> - Năm 1965-1969: tham gia đào hầm địa đạo 03 đợt, mỗi đợt 03 ngày; đi dân công gánh gạo 02 lần, mỗi lần 10 ngày; nuôi dưỡng 03 thương binh tại nhà thời gian 03 tháng; tham gia đấu tranh chính trị tại Quảng Ngãi tết Mậu Thân. - Năm 1969-1972: vào khu đồn làm ăn sinh sống. - Năm 1973: tiếp tế lương thực, thuốc rê cho Du kích. 	

III. HUY CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ HẠNG NHÌ

Số TT	Số ĐD	Họ và tên	Năm sinh	Chính quán	Trú quán	Tóm tắt thành tích	Ghi chú
1		Bà Nguyễn Thị Du	1943	Xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	<ul style="list-style-type: none"> - 6/1965 - 11/1966: tham gia lực lượng thanh niên xung phong tỉnh Quảng Ngãi. - 12/1966: bị thương tại xã Sơn Kỳ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi. - Từ 1967 - 1970: đóng góp cho cách mạng 02 con bò, 200 ang lúa và dầu phụng, rau, gà cho bộ đội huyện Sơn Tịnh, - Từ 1970 - 1974: tham gia mở đường ở huyện Trà Bồng, góp phần giải phóng Quảng Ngãi. 	

Tổng số: 24 trường hợp. Trong đó:

- Huân chương KC hạng Ba 20 trường hợp.
- Huy chương KC hạng Nhất 03 trường hợp.
- Huy chương KC hạng Nhì 01 trường hợp.

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ TẶNG HUÂN, HUY CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN

CHO CÁC NGƯỜI THÀNH TÍCH TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC

(Kèm theo Tài liệu số 132/Tr-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



I. HUÂN CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ HẠNG NHÌ

Số TT	Số ĐD	Họ và tên	Năm sinh	Chính quán	Trú quán	Chức vụ, đơn vị công tác	Tóm tắt thành tích	Ghi chú
1		Ông Đinh Nhan	1931	Xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Du kích xã	Từ 1962 - 1970: Binh nhất D20, Tinh đội Quảng Ngãi; Từ 1970 - 4/1975: Du kích xã. Tc: 12 năm 5 th x 1,5 = 18 năm, 8 tháng.	
2		Ông Đinh Ngọc Bít	1950	Xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Đội trưởng Đội công tác	Từ 01/1964 - 9/1970: Du kích xã; Từ 10/1970 - 4/1975: Đội trưởng Đội công tác. Tc: 11 năm, 3 th x 1,5 = 16 năm, 11 tháng.	
3		Ông Nguyễn Ngọc Thanh	1947	Xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi	Phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Cán bộ Thương nghiệp tỉnh	Từ 10/1964 - 12/1966: Du kích xã. Từ 1/1967 - 6/1968: Bộ đội huyện. Từ 7/1968 - 2/1974: Bị bắt đi tù. Từ 3/1974 - 4/1975: Cán bộ Thương nghiệp tỉnh. Tc: 10 năm, 7 th x 1,5 = 15 năm, 11 tháng.	
4		Ông Nguyễn Văn Thiệt	1945	Xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam	Xã Bình Châu, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	A Trưởng, Lữ đoàn 22 - Quân khu 5	Từ 5/1965 - 5/1973: Hạ sĩ, A phó d17, F2, QK5. Từ 6/1973 - 30/4/1975: A Trưởng, Lữ đoàn 22 - Quân khu 5. TC: 10n x 1,5 = 15 năm.	

II. HUÂN CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ HẠNG BA

Số TT	Số ĐD	Họ và tên	Năm sinh	Chính quán	Trú quán	Chức vụ, đơn vị công tác	Tóm tắt thành tích	Ghi chú
1		Ông Đỗ Quang Tinh	1952	Xã Tam Thanh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	Xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Cán bộ Thường vụ Huyện đoàn	Từ 1966 - 4/1968: Tiểu đội trưởng; Từ 5/1968 - 3/1972: Điều trị và học tập tại các tỉnh phía Bắc; Từ 4/1972 - 4/1975: BTV Huyện đoàn. Tc: 9 năm, 4 tháng x 1,5 = 14 năm.	
2		Bà Nguyễn Thị Tuất	1908	Xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Ban chấp hành phụ nữ xã	Từ 11/1966 - 12/1974: BCH Phụ nữ xã. Tc: 8 năm, 1 th x 1,5 = 12 năm, 2 tháng.	
3		Bà Lê Thị Kim Hoa	1948	Xã Đức Hòa, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Chiến sĩ, Trung đoàn 230	Từ 8/1967 - 4/1975: Chiến sĩ, Trung đoàn 230. Tc: 8 năm, 9 th x 1,5 = 13 năm, 2 tháng.	
4		Bà Nguyễn Thị Hồng	1954	Xã Bình Phú, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Chiến sĩ, Đơn vị 130 Tỉnh đội	Từ 5/1968 - 3/1972: Du kích xã. Từ 3/1972 - 4/1975: Chiến sĩ, Đơn vị 130 Tỉnh đội Quảng Ngãi. Tc: 7 năm x 1,5 = 10 năm, 6 tháng.	
5		Ông Phạm Văn Tật	1932	Xã Ba Trang, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Ba Trang, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi	Du kích xã	Từ 1/1958 - 12/1967: Du kích xã. Tháng 1/1968: Đau, chết. Tc: 9 năm x 1,5 = 13 năm, 6 tháng.	
6		Ông Ngô Xuân Đạo	1952	Xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi	Thị trấn Ba Tơ, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi	Xã đội trưởng	Từ 1/1967 - 12/1970: BCH Xã đội. Từ 01/1971 - 4/1975: Trung đội phó, Đại đội 1, Tiểu đoàn 7 Tỉnh đội Quảng Ngãi. Tc: 8 năm, 3 th x 1,5 = 12 năm, 5 tháng.	
7		Bà Nguyễn Thị Thạnh	1952	Xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Tịnh Giang, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Trình sát vũ trang	Từ 5/1965 - 12/1967: Thiếu niên tiên phong. Từ 1/1968 - 12/1969: Du kích xã. 1/1970 - 4/1975: Ban an ninh, trình sát vũ trang thị xã Quảng Ngãi. Tc: 7 năm, 4 th x 1,5 = 11 năm (tính thâm niên 1968 đến 4/1975).	

8	Bà Lại Thị Lùng	1938	Xã Đại Xuyên, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội	Xã Tinh Sơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Chi Hội trưởng Phụ nữ thôn	- Từ 01/1960 - 08/1973: Chiến sĩ du kích xã Đại Xuyên; - Từ 09/1973 - 30/4/1975 BCH phụ nữ xã, chi hội trưởng Phụ nữ thôn. TC: 14 năm, 4th - 2 năm = 12 năm, 4tháng.
9	Ông Lê Quang	1949	Xã Tinh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Tinh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Chiến sĩ đơn vị D83, E94 Tinh đội, Quảng Ngãi	- Từ 12/1967 - 8/1969: tham gia Đội công tác xã; - Từ 9/1969 - 3/1973: bị địch bắt ở tù; - Từ 4/1973 - 9/1974: đơn vị D83; - Từ 10/1974 - 4/1975: đơn vị E94; TC: 7 năm, 5 th x 1,5 = 11 năm 2 tháng.

III. HUY CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ HẠNG NHẤT

Số TT	Số ĐD	Họ và tên	Năm sinh	Chính quán	Trú quán	Chức vụ, đơn vị công tác	Tóm tắt thành tích	Ghi chú
1		Ông Ngô Văn Chiêm	1946	Xã Phở Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Phở Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Du kích xã	Từ 2/1963 - 11/1973: Du kích thôn, xã. Từ 12/1973 - 4/1975: Bị thương được dưỡng thương tại địa phương. Tc: 10 năm, 9th x 1,5 = 16 năm, 2 th - 2 năm cán bộ thôn = 14 năm 2 tháng và bị kỷ lạt nên hạ một mức khen.	
2		Ông Lê Toan	1949	Xã Phở Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Phở Thạnh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Du kích xã	Từ 2/1966 - 10/1972: Du kích thôn, xã. Từ 11/1973 - 4/1975: Bị thương được dưỡng thương tại địa phương. Tc: 6 năm, 8th x 1,5 = 10 năm - trừ 2 năm theo quy định = 8 năm.	
3		Bà Phạm Thị Thời	1949	Xã Phở Khánh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Phở Khánh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Du kích xã	Từ 2/1968 - 4/1975: Du kích xã. Tc: 7 năm, 3 th x 1,5 = 10 năm, 11 th - trừ 2 năm theo quy định = 8 năm, 11 tháng.	

4		Ông Võ Văn Dốc	1934	Xã Phò Vinh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Phò Vinh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Du kích thôn	Từ 1/1966 - 4/1975: Du kích thôn. Tc: 9 năm, 4 th - 2 năm theo quy định = 7 năm, 4 tháng.
5		Ông Nguyễn Lộc	1932	Xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Du kích thôn	Từ 3/1967 - 12/1974: Du kích thôn Tây. TC: 7 năm, 9 th x 1,5 = 11 năm, 8 th 11 năm, 8 th - 2 năm = 9 năm, 8 tháng.
6		Bà Nguyễn Thị Quyến	1933	Xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Tịnh Trà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	Phân hội trưởng P.nữ thôn	Từ 01/1964 - 7/1973: Phân hội trưởng Phụ nữ thôn Thạch Nội. TC: 9 năm, 7 th - 2 năm = 7 năm 7 tháng.
7		Ông Trịnh Văn Lệ	1956	Xã Phò Khánh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi	Phường Trần Phú, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Du kích thôn	Từ 10/1968 - 3/1972: Du kích thôn 3 năm 5 tháng x 1,5 = 5 năm 2 tháng Từ 4/1972 - 4/1975: Học tập tại Miền Bắc 3 năm x 1 = 3 năm Tc: 8 năm 2 tháng - 2 năm theo quy định = 6 năm 2 tháng

IV. HUY CHƯƠNG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ HẠNG NHÌ

Số TT	Số ĐD	Họ và tên	Năm sinh	Chính quán	Trú quán	Chức vụ, đơn vị công tác	Tóm tắt thành tích	Ghi chú
1		Bà Đinh Thị Trang	1954	Xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Du kích xã	Từ 4/1973 - 4/1975: Du kích xã. Tc: 2 năm x 1,5 = 3 năm. Có tham gia chiến dịch Mùa xuân 1975.	
2		Ông Đinh Vít	1958	Xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Du kích xã	Từ 1/1973 - 4/1975: Du kích xã. Tc: 2 năm, 3 th x 1,5 = 3 năm, 5 th Có tham gia chiến dịch Mùa xuân 1975.	
3		Ông Đinh Đen	1950	Xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Du kích xã	Từ 2/1973 - 4/1975: Du kích xã. Tc: 2 năm, 2 th x 1,5 = 3 năm, 3 th Có tham gia chiến dịch Mùa xuân 1975.	

4	Bà Đinh Thị Đô	1956	Xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Chiến sĩ du kích mật	Từ 1973 - 4/1975: Du kích xã. Tc: 2 năm, 4 th x 1,5 = 3 năm, 6 th Có tham gia chiến dịch Mùa xuân 1975.
5	Bà Trần Thị Vinh	1955	Xã Ba Động, huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi	Phường Nghĩa Lộ, TP Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	Giáo viên Tiểu học	Từ 1/1/1972-30/4/1975: Giáo viên cấp I xã Ba Động Tc: 5 năm.

Tổng số: 25 trường hợp. Trong đó:

- Huân chương KC hạng Nhì 04 trường hợp.
- Huân chương KC hạng Ba 09 trường hợp.
- Huy chương KC hạng Nhất 07 trường hợp.
- Huy chương KC hạng Nhì 05 trường hợp.